

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi hỗ trợ một số nội dung giảm nghèo về thông tin thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1472/STTTT-KHTC ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi hỗ trợ một số nội dung giảm nghèo về thông tin thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025. Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Theo khoản 1, khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo với hệ thống pháp luật

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 90/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; trong đó tại điểm a khoản 6 Mục III của Chương trình là tiêu dự án “giảm nghèo về thông tin”.

Tại điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 21 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, quy định:

“Điều 21. Giảm nghèo về thông tin

2. Chi thiết lập cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới:

a) Chi thiết lập, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng đối với cụm thông tin điện tử đã thiết lập trước đây bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông theo dự án cấp có thẩm quyền phê duyệt: Căn cứ khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức hỗ trợ. Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

3. Chi hỗ trợ duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo: Căn cứ yêu cầu thực tế, thời gian phục vụ và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung và mức chi cụ thể.

4. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo (trong trường hợp huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông: Căn cứ yêu cầu thực tế, thời gian phục vụ và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung và mức chi cụ thể. Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.”

Khoản 2 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“Điều 27. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

2. Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.”

Căn cứ các quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi giảm nghèo về thông tin trên địa bàn tỉnh An Giang theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

3. Dự thảo Nghị quyết

a) Căn cứ ban hành

Căn cứ thứ nhất, thứ hai đề nghị điều chỉnh: “... Luật sửa đổi, bổ sung” thành “... Luật Sửa đổi, bổ sung”.

Căn cứ thứ sáu, đề nghị bỏ cụm từ “về ban hành” do thừa.

Đề nghị không sử dụng căn cứ thứ bảy, thứ tám làm căn cứ ban hành, vì theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, quy định:

“Điều 61. Căn cứ ban hành văn bản

1. Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành. Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản.”.

Đề nghị bổ sung các “Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025” và “Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025” làm căn cứ ban hành.

b) Điều 1, đề nghị bổ sung cụm từ “tỉnh An Giang” sau cụm từ “về thông tin” (điểm a khoản 1) và “trên địa bàn” (khoản 2) cho rõ ràng hơn. Bỏ dấu “,” giữa “điểm a khoản”.

c) Điều 2

Khoản 1, đề nghị điều chỉnh “Mức hỗ trợ” thành “Mức chi” vì đây là nội dung quy định việc chi cụ thể, không phải hỗ trợ để chi. Đồng thời, đối với quy định “... và cung cấp thông tin, tuyên truyền theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông theo dự án của cấp có thẩm quyền phê duyệt” đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định cụ thể theo hướng dẫn tại văn bản của nào Bộ Thông tin và Truyền thông, cần thiết có thể dẫn chiếu đến điều, khoản, điểm của văn bản để khi thực hiện được dễ dàng, bên cạnh đó mức hỗ trợ “cung cấp

thông tin, tuyên truyền” đã được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 Thông tư số 46/2022/TT-BTC.

Điểm a khoản 1, đề xuất điều chỉnh theo gợi ý: “Thiết lập mới cụm thông tin điện tử không quá 3,5 tỷ đồng/cụm”.

Khoản 2

Điểm a quy định: “Nội dung điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng gồm: hệ thống bàn ghế; tối thiểu 01 máy tính kết nối internet; 01 máy in; 01 máy scan; Thuê chữ ký số công cộng hàng năm (nếu có); Tủ/kệ trưng bày; Hệ thống chiếu sáng; Thời gian phục vụ 06 giờ/ngày, từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần.”

Tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT, quy định:

“4. Yêu cầu về điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng:

- a) Có hệ thống bàn, ghế phục vụ người dân đọc sách, báo, tạp chí;*
- b) Có ít nhất 01 máy vi tính được kết nối internet băng rộng, đảm bảo an toàn thông tin;*
- c) Có ít nhất 01 tủ/kệ để trưng bày, giới thiệu các xuất bản phẩm in, báo in;*
- d) Đảm bảo hệ thống chiếu sáng, quạt điện phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thuận lợi;*
- đ) Thời gian phục vụ: Tối thiểu 06 giờ/ngày, từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Nhà nước). Thời gian phục vụ phải được niêm yết công khai tại nơi dễ nhìn để người dân biết.”*

Đôi chiếu quy định trên, đối với các thiết bị, dịch vụ phát sinh thêm trong dự thảo Nghị quyết cần làm rõ tính cần thiết và quy định thời gian phục vụ cho phù hợp.

Điểm b, đề xuất điều chỉnh theo gợi ý: “Kinh phí duy trì đảm bảo vận hành hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin là 02 triệu đồng/năm/xã”.

Khoản 3

Điểm a, đề xuất điều chỉnh để cụ thể hơn như sau: Mua trang thiết bị bao gồm: Đồng thời quy định không quá 40 triệu đồng trên một cụm hay là trên một đài truyền thanh xã.

Điều b, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ đối với mức chi bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, duy trì hoạt động thường xuyên tối đa không quá 20 triệu đồng/cụm trong một năm hay bao lâu, vì việc duy trì hoạt động thường xuyên cần được dự tính trong thời gian cụ thể.

d) Điều 3

Khoản 1, đề nghị điều chỉnh thành “1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.”

Khoản 2, đề nghị cơ quan soạn thảo không quy định nội dung này, đảm bảo theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì nội dung này đã được quy định tại Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

đ) Đoạn cuối cùng đề nghị điều chỉnh như sau: “Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2022./.”

e) Phần Nơi nhận, đề nghị điều chỉnh như sau: “- Ủy ban Thường vụ Quốc hội”; “- Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;”; “TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;”; “- Lưu: VT, ...”.

4. Dự thảo Tờ trình

a) Phần mở đầu, điều chỉnh theo Mẫu số 03 Phụ lục V Nghị định số 154/2020/NĐ-CP thành: “Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi hỗ trợ một số nội dung giảm nghèo về thông tin thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 như sau:”

b) Qua dự thảo đoạn thứ 2 Mục V Tờ trình, dự kiến kinh phí thực hiện đối với Nghị quyết này từ ngân sách Trung ương, Ngân sách địa phương và Vốn huy động khác; vì vậy đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu làm rõ thêm ngân sách Trung ương chi nội dung gì, bao nhiêu và chi như thế nào; ngân sách địa phương chi nội dung gì, bao nhiêu và chi như thế nào đối với các mức chi theo nội dung dự theo Nghị quyết.

Bên cạnh đó, đề nghị điều chỉnh theo Mẫu số 03.

c) Phần cuối cùng, đề nghị điều chỉnh “xem xét, thông qua Nghị quyết vào kỳ họp cuối năm 2022./.” thành “xem xét, quyết định./.”

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Công TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL

GIÁM ĐỐC



Cao Thanh Sơn